

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐẮK SONG
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 24/2020/HS-ST
Ngày 09 - 6 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK SONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Hoàng Thị Thu Hà

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Minh Hải và bà Cần Thị Thành;

- Thư ký phiên toà: Bà Võ Thị Nhân – Thư ký, Toà án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Trọng Đạt – Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 6 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắc Song, tỉnh Đắc Nông mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 56/2020/TLST- HS ngày 03 tháng 9 năm 2019 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 10 năm 2019 và các quyết định hoãn phiên tòa số: 39/2019/HSST- QĐ ngày 23/10/2019; số 44/2019/HSST- QĐ ngày 20/11/2019; số 50/2019/HSST- QĐ ngày 18/12/2019; số 03/2020/HSST- QĐ ngày 17/01/2020; số 06/2020/HSST- QĐ ngày 17/02/2020; số 12/2020/HSST- QĐ ngày 16/3/2020; số 18/2020/HSST- QĐ ngày 14/4/2020 và số 25/2020/HSST- QĐ ngày 13/5/2020 (lý do hoãn là do không trích xuất được bị cáo) đối với bị cáo:

Nguyễn Thu H (Tên gọi khác: Nguyễn Thị H), sinh năm 1979 tại tỉnh Quảng Ninh; nơi đăng ký HKTT: T4, khu H, phường C, TP. C, tỉnh Quảng Ninh; chỗ ở: Không ổn định; nghề nghiệp: Giáo viên; trình độ văn hóa: 12/12; giới tính: Nữ; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn T (đã chết) và con bà Trần Thị L; bị cáo có chồng là Đỗ Văn H (đã ly hôn); bị cáo chưa có con; tiền sự: Không; tiền án: 01 tiền án, bị Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh xử phạt 08 năm tù tại Bản án số 62/2019/HSST ngày 29/11/2019, hiện nay bị cáo đang chấp hành án tại Trại giam X, xã L, huyện T, TP. Hải Phòng (bị cáo được trích xuất để xét xử); có mặt.

- Bị hại:

1. Chị Trần Thị V; có mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắc Nông.

- Những người tham gia tố tụng khác:

Người làm chứng:

1. Bà Vũ Thị T; có mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

2. Chị Nguyễn Thị N ; vắng mặt.

Địa chỉ: T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Thu H (*tên gọi khác Nguyễn Thị H*) đang bị truy nã của Công an Thành phố H, tỉnh Quảng Ninh từ năm 2014. Tháng 3 năm 2016, H xin vào làm giáo viên mầm non tại Trường Mầm non Tư thục H, thuộc T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, do bà Vũ Thị T làm Chủ tịch Hội đồng quản trị. Tháng 11 năm 2018, H thuê phòng trọ của chị Nguyễn Thị N, tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông.

Quá trình sinh sống tại xã N, Nguyễn Thu H làm quen với chị Trần Thị V nên biết chị V có tiền cho vay. Khoảng 13 giờ ngày 06/11/2018, H đến nhà chị V đặt vấn đề vay số tiền 50.000.000 đồng (*năm mươi triệu đồng*) mục đích là để mua quần, áo về bán, thời hạn trả nợ hai bên thỏa thuận là ngày 26/11/2018. Khi vay H viết 01 Giấy vay tiền đề ngày 06/11/2018, vay chị V số tiền 50.000.000 đồng, đồng thời để lại 01 (một) sổ tạm trú số 170023145 do Công an xã N cấp ngày 05/01/2017; 01 (một) chứng chỉ tin học trình độ B số 36628, 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B số 36549 mang tên Nguyễn Thị H do Trung tâm đào tạo và phát triển công nghệ F cấp; 01 (một) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp số 00147443, mang tên Nguyễn Thị H do Trường Cao đẳng Sư phạm Q cấp ngày 06/04/2011. Tin tưởng và nghe H trình bày hợp lý nên chị V đồng ý cho H vay số tiền như H yêu cầu. Chị V lấy tiền giao cho H. Sau khi vay được tiền từ chị V, H không mua quần áo như nói với chị V mà nảy sinh ý định chiếm đoạt số tiền của chị V. H thu dọn đồ đạc, tự nghỉ việc ở Trường mầm non và bỏ trốn khỏi xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông, lên thuê phòng trọ tại thị trấn P, huyện K, tỉnh Đắk Lắk để lẩn trốn.

Ngày 26/11/2018, chị V không thấy H đến trả nợ như thỏa thuận nên đến phòng trọ mà H thuê tại T11, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông để lấy tiền cho vay trước đó. Tuy nhiên, H đã bỏ đi, không để lại địa chỉ, liên hệ Trường nơi bà T làm hiệu trưởng thì được biết H đã nghỉ việc không xin phép, chị V nhiều lần gọi điện cho H nhưng không liên lạc được. Vì vậy, chị V đã làm đơn đến cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song. Trên cơ sở thu thập các tài liệu, chứng cứ có liên quan, đồng thời tiến hành trưng cầu giám định chữ viết của Nguyễn Thu H trong giấy vay tiền.

Tại bản kết luận giám định số: 49/GĐTL-PC09 ngày 05/04/2019 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Đ kết luận: Chữ viết, chữ ký Nguyễn Thị H dưới mục người mượn tiền trên giấy mượn tiền đề ngày 06/11/2018 và chữ viết, chữ ký của Nguyễn Thị H trong các tài liệu do Trường Mầm non tư thục H cung cấp là do một người viết và ký ra. Tiến hành xác minh nơi ở Nguyễn Thu H đăng ký tạm trú và nơi đăng ký hộ khẩu

thường trú của Nguyễn Thu H đều thể hiện việc H không có mặt tại các địa phương này, chính quyền địa phương không xác định được H đi đâu.

Tại bản cáo trạng số 54/CTr-VKS ngày 28/8/2019, Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song đã truy tố bị cáo về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Nguyễn Thu H (*tên gọi khác Nguyễn Thị H*) về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”; đề nghị Hội đồng xét xử (viết tắt: HĐXX) tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” và áp dụng: Điểm c khoản 2 Điều 175 Bộ luật hình sự (BLHS); điểm s khoản 1 khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56 BLHS.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thu H từ 02 năm 06 tháng tù đến 03 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt thi hành án về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với bản án số 62/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, xử phạt 08 (tám) năm tù, buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là từ 10 năm 06 tháng tù đến 11 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/6/2019.

Về vật chứng của vụ án: Đối với 01 “Giấy mượn tiền” – bản gốc thể hiện nội dung vay số tiền 50.000.000 đồng giữa Nguyễn Thu H (Nguyễn Thị H) với chị Trần Thị V (Trần Thúy V) thu giữ là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

Về phần trách nhiệm dân sự: Bị hại Trần Thị V yêu cầu Nguyễn Thu H phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng, xét yêu cầu này có căn cứ nên đề nghị HĐXX chấp nhận.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Thu H không bào chữa gì về hành vi phạm tội của mình mà chỉ xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị hại chị Trần Thị V yêu cầu HĐXX buộc bị cáo trả lại số tiền 50.000.000 đồng, về hình phạt yêu cầu xét xử bị cáo H theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Mặc dù chỉ đăng ký tạm trú và đang bị truy nã nhưng bị cáo Nguyễn Thu H biết chị Trần Thị V có tiền cho vay nên khoảng 13 giờ, ngày 06/11/2018, Nguyễn Thu H đến nhà chị V tại T10, xã N, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông vay số tiền 50.000.000 đồng để mua quần, áo về bán, thời hạn vay 20 ngày, Sau khi nhận tiền từ chị V, Nguyễn Thu H không mua quần áo, không trả lại tiền cho chị V như đã thỏa thuận mà chiếm đoạt số

tiền này rồi bỏ trốn, nghỉ việc không để lại địa chỉ, đi đâu làm gì không ai biết, chị V tìm mọi cách để liên lạc đòi nợ nhưng không biết ở đâu. Sau khi lần trốn đến tại huyện K, tỉnh Đắk Lắk sinh sống thì đến ngày 17/6/2019, Nguyễn Thu H bị Cơ quan Công an bắt giữ theo quyết định truy nã trước đó. Như vậy, hành vi của H đã đủ yếu tố cấu thành tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” được quy định tại điểm c khoản 2 Điều 175 của BLHS:

Tại Điều 175 BLHS quy định:

1. Người nào thực hiện một trong những hành vi sau đây chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 4.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 4.000.000 đồng nhưng đã bị xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội này hoặc về một trong các tội quy định tại các điều 168, 169, 170, 171, 172, 173, 174 và 290 của Bộ luật hình sự, chưa được xóa án tích mà còn vi phạm hoặc tài sản là pH tiện kiếm sống chính của người bị hại hoặc tài sản có giá trị đặc biệt về mặt tinh thần đối với người bị hại, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm:

a) Vay, mượn, thuê tài sản của người khác hoặc nhận được tài sản của người khác bằng các hình thức hợp đồng rồi dùng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản đó hoặc đến thời hạn trả lại tài sản mặc dù có điều kiện, khả năng nhưng cố tình không trả;

...
2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

a) ...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng;

3...

Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Song, tỉnh Đắk Nông truy tố bị cáo Nguyễn Thu H về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo điểm c khoản 2 Điều 175 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, hành vi đó xâm phạm tài sản của người khác. Bị cáo H là người có đủ nhận thức để nhận biết tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ nhưng vì ý thức lười lao động, muốn có tiền tiêu xài cá nhân, tại thời điểm đặt vấn đề vay tiền bị cáo đang là giáo viên hợp đồng trường mầm non tư thục, mục đích vay tiền là để buôn bán quần áo. Vì vậy, nên bị hại đã tin tưởng giao tài sản, khi nhận được tiền bị cáo không mua bán quần áo, mà bỏ trốn không để lại địa chỉ, mục đích trốn tránh nhằm chiếm đoạt số tiền vay 50.000.000 đồng của chị V theo giấy vay tiền hai bên đã ký kết hợp đồng. Vì vậy, HĐXX xét thấy cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo.

[4]. Về các tình tiết giảm nhẹ, tình tiết tăng nặng: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bị cáo có mẹ bà Trần Thị L được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 vì có công trong cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ được quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Bị cáo phạm tội khi đang trốn truy nã. Hành vi phạm tội của bị cáo vào năm 2013, đã được Tòa án nhân dân thị xã Quảng Yên, tỉnh Quảng Ninh xét

xử, hiện nay có hiệu lực pháp luật nên bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 BLHS.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo không có tài sản nên HĐXX không có căn cứ áp dụng hình phạt bổ sung.

[6] Về tổng hợp hình phạt: Bản án số 62/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, xử phạt Nguyễn Thu H 08 (tám) năm tù, đã có hiệu lực pháp luật. Căn cứ khoản 1 Điều 56 BLHS, tổng hợp hình phạt theo quy định.

[7] Quá trình điều tra, Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắc Song đã tạm giữ 01 (một) chứng chỉ tin học trình độ B số 36628, 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, số 36549 mang tên Nguyễn Thị H do Trung tâm đào tạo và phát triển công nghệ F cấp và 01 (một) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp số 00147443, mang tên Nguyễn Thị H do Trường Cao đẳng Sư phạm Q cấp ngày 06/04/2011. Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắc Song đã gửi Công văn yêu cầu Trung tâm đào tạo và phát triển công nghệ F và Trường Cao đẳng Sư phạm Q cung cấp thông tin về việc cấp các văn bằng nói trên. Tuy nhiên, hiện chưa nhận được kết quả trả lời của các cơ quan có liên quan nên tách ra để xem xét xử lý sau.

[8] **Về vật chứng của vụ án:** Đối với 01 “Giấy mượn tiền” – bản gốc thể hiện nội dung vay số tiền 50.000.000 đồng giữa Nguyễn Thu H (Nguyễn Thị H) với chị Trần Thị V (Trần Thúy V) thu giữ là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án để làm căn cứ giải quyết vụ án.

[9] **Về phần trách nhiệm dân sự:** Bị hại Trần Thị V yêu cầu Nguyễn Thu H phải trả lại số tiền 50.000.000 đồng, xét yêu cầu này có căn cứ nên chấp nhận.

[10] Về án phí: Bị cáo phải nộp án phí hình sự sơ thẩm và án phí Dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[11] Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án theo quy định pháp luật;

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thu H (tên gọi khác: Nguyễn Thị H) phạm tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 175, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, khoản 1 Điều 56 BLHS:

Xử phạt Nguyễn Thu H 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”. Tổng hợp với hình phạt 08 (tám) năm tù của bản án số 62/2019/HS-ST ngày 29/11/2019 của Tòa án nhân dân thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, Buộc bị cáo Nguyễn Thu H phải chấp hành hình phạt chung của hai bản án là 10 (mười) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 17/6/2019.

3. Việc bồi thường thiệt hại: Căn cứ vào khoản 1 Điều 48 BLHS; Điều 584, 585, 586 và Điều 589 BLDS: Buộc bị cáo Nguyễn Thu H phải trả lại cho chị Trần Thị V số tiền là 50.000.000 đồng (Năm mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án), cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

4. Về vật chứng của vụ án: Căn cứ khoản 2 Điều 47 BLHS; điểm a khoản 2 Điều 106 BLTTHS:

Đối với 01 “Giấy mượn tiền” – bản gốc thể hiện nội dung vay số tiền 50.000.000 đồng giữa Nguyễn Thu H (Nguyễn Thị H với chị Trần Thị V (Trần Thúy V) thu giữ là chứng cứ được lưu trong hồ sơ vụ án.

Chấp chấp Cơ quan CSĐT Công an huyện Đắk Song tách ra khi đủ căn cứ xem xét xử lý sau đối với 01 (một) chứng chỉ tin học trình độ B số 36628, 01 (một) chứng chỉ ngoại ngữ trình độ B, số 36549 mang tên Nguyễn Thị H do Trung tâm đào tạo và phát triển công nghệ F cấp và 01 (một) Bằng tốt nghiệp trung cấp chuyên nghiệp số 00147443, mang tên Nguyễn Thị H do Trường Cao đẳng Sư phạm Quảng N cấp ngày 06/04/2011.

5. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 135; khoản 2 Điều 136 BLTTHS; điểm a khoản 1 Điều 3, khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23, khoản 1 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc bị cáo Nguyễn Thu H phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và 2.500.000 đồng án phí DSST.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đ;
- VKSND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Phòng VP06 CA tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Song;
- Công an huyện Đắk Song;
- Chi cục THA huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký và đóng dấu)

Hoàng Thị Thu Hà